TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 259/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 10 năm 2019
V/v: "***Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung***"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Văn Điệp** - Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc: "*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 585/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồng Kiều T**, sinh năm 1987. Trú tại: Ấp C, thị t, huyện P, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh **Tô Văn C**, sinh năm 1989. Trú tại: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt – Bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hồng Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 15/11/2017).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau, nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Tô Chí V, sinh ngày 14/01/2019 (Giới tính: Nam). Hiện, cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Đối với anh Tô Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện chị T yêu cầu ly hôn với anh C, nhưng anh C vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh C vắng mặt, nguyên đơn là chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Chị T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị T thể hiện, chị và anh C tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân; anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 15/11/2017. Sau khi chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do cả hai không có tiếng nói chung, dẫn đến những bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra. Tại đơn khởi kiện và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T cương quyết xin ly hôn và chị xác định về mặt tình cảm không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh C được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh C không đến Tòa án, cũng như không có ý kiến đối với việc chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị T không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh C; còn anh C không có ý kiến trình bày. Hôn nhân giữa chị T với anh C không còn tồn tại trên thực tế. Giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C.

[5] Về con chung: Chị T cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị T và anh C có 01 con chung tên Tô Chí V, sinh ngày 14/01/2019 (Giới tính: Nam). Hiện, cháu do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của cháu, không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn nên chị T yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Anh C không có ý kiến phản đối nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T là có cơ sở chấp thuận. Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện, cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đối với anh C cũng không có văn bản phản đối việc chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con*", do đó, việc chị T yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định pháp luật. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử (Ngày 15/10/2019) đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng. Anh C, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu V số tiền 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vĩnh đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 15/10/2019.

[7] Về tài sản chung và nợ: Do anh C cố tình vắng mặt. Không có ý kiến trình bày. Chị T xác định giữa chị và anh C không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Buộc chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm); anh C phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí cấp dưỡng), theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 235; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hồng Kiều T được ly hôn với anh Tô Văn C.

2. Về con chung: Chị Hồng Kiều T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên: Tô Chí V, sinh ngày 14/01/2019 (Giới tính: Nam).

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Tô Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên: Tô Chí V, sinh ngày 14/01/2019 (Giới tính: Nam), số tiền: 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vĩnh đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 15/10/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Số tiền 300.000 đồng mà chị Hồng Kiều T đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002527 ngày 08/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ. Buộc anh Tô Văn C phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (Chưa nộp).

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang